TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C, TỈNH T**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**
Số: 484/2019/QĐST-HNGĐ	*C, ngày 14 tháng 11 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 713/2019/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Anh **Mai Thanh B**, sinh năm 1983.
Địa chỉ: Ấp A, xã Đ, huyện C, tỉnh T.
2. Chị **Võ Thị M**, sinh năm 1986.
Địa chỉ: Ấp A, xã Đ, huyện C, tỉnh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và trong quá trình giải quyết vụ việc, anh Mai Văn B và chị Võ Thị M trình bày:

[1] Do quen biết anh chị tiến đến hôn nhân vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh T vào năm 2012.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã lẫn nhau, anh chị đã ly thân với nhau được khoảng 03 tháng nay, xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được dù anh chị đã tự hàn gắn nhiều lần nhưng không đạt nên anh chị quyết định yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Có 02 con chung tên là Mai Thanh H, sinh ngày 16/5/2014 và Mai Phương T, sinh ngày 04/3/2017. Anh, chị thỏa thuận như sau: Giao cháu Mai Thanh H, sinh ngày 16/5/2014 cho chị Võ Thị M nuôi dưỡng, giao cháu Mai Phương T, sinh ngày 04/3/2017 cho anh B nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

[3] Về tài sản chung: Anh, chị thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Không có.

[5] Về lệ phí: Anh Mai Thanh B và chị Võ Thi M phải chịu 300.000đồng tiền lệ phí Hôn nhân sơ thẩm, anh chị đã tạm nộp 300.000đồng theo biên lai thu số 0002497, ngày 18/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh T nên được cấn trừ xem như anh chị đã thực hiện xong phần lệ phí.

Xét thấy: Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 06 tháng 11 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Mai Thanh B và chị Võ Thị M.

- Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của anh, chị: Giao cháu Mai Thanh H, sinh ngày 16/5/2014 cho chị Võ Thị M nuôi dưỡng; giao cháu Mai Phương T, sinh ngày 04/3/2017 cho anh B nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Chị Võ Thị M, anh Mai Thanh B được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: Anh, chị thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Mai Thanh B và chị Võ Thi M phải chịu 300.000đồng tiền lệ phí Hôn nhân sơ thẩm, anh chị đã tạm nộp 300.000đồng theo biên lai thu số 0002497, ngày 18/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh T nên được cấn trừ xem như anh chị đã thực hiện xong phần lệ phí.

3. Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Kim Ngọc Giàu